

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh Phạm Ngọc H – Sinh năm 1983

- Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: SN T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại số nhà 02 Trung Sơn, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa hòa thuận hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm lối sống của vợ chồng luôn trái ngược dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân vợ chồng có nhiều cố gắng, hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H, chị D.

[2] Về con chung: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị D có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo H – Sinh ngày 13/3/2011, cháu Phạm Duy H- sinh ngày 10/09/2012 và cháu Phạm Ngọc Châu A - 01/12/2019. Hai bên thỏa thuận, chị D trực tiếp nuôi dưỡng ba cháu H, H, A, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ/cháu (ba cháu là 15.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định đến khi các cháu thành niên. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Xét thỏa thuận nuôi

con và cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Lệ phí: Hai bên thỏa thuận anh Phạm Ngọc Huy chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ nhưng chị Nguyễn Thị D nộp thay và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị Dung đã nộp theo biên lai thu số: 0002402 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc H, chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Cháu cháu Phạm Ngọc Bảo H – Sinh ngày 13/3/2011, cháu Phạm Duy H- sinh ngày 10/09/2012 và cháu Phạm Ngọc Châu A - 01/12/2019 là con chung của anh Phạm Ngọc H, chị Nguyễn Thị D. Chị D trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu Bảo H, Duy H và Châu A, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Ba cháu là 15.000.000đ/ tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Ngọc H chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ nhưng chị Nguyễn Thị D nộp thay và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0002402 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDTP;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường An Hưng, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Hào